

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 22 tháng 03 năm 2018

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Bích Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Tuấn Kiệt**

2- Bà **Dư Thị Út**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung**, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp *xin ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đới Văn C**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 13, đường 14, khóm B, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị **Cao Thị N**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 13, đường 14, khóm B, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(anh C có mặt tại phiên tòa, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh **Đới Văn C** là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Năm 2008, anh và chị **Cao Thị N** chung sống và kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình và anh không còn thương yêu chị **N** nữa. Nay mâu thuẫn không thể khắc phục được nên anh xin ly hôn với chị **N**.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải chị **Cao Thị N** là bị đơn trong vụ án trình bày: Năm 2008, chị và anh **Đới Văn C** chung sống và kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng ý kiến do anh C không chung thủy, có người phụ nữ khác. Tuy nhiên anh C xin ly hôn thì chị không đồng ý.

Về con chung: Anh Đới Văn C và chị Cao Thị N thống nhất xác định vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Đới Khánh L, sinh ngày 22/11/2015. Trong trường hợp ly hôn anh C và chị N thống nhất giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (hiện nay cháu L đang sống cùng anh C và chị N).

Về tài sản chung và nợ: anh Đới Văn C và chị Cao Thị N thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có tài sản và không có nợ ai nên không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn là chị Cao Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Vào năm 2008, anh Đới Văn C và chị Cao Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng; năm 2008 anh C và chị N đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/01/2008. Do đó, hôn nhân của anh C và chị N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa anh C và chị N có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và do anh C không chung thủy với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ có thể duy trì trên cơ sở sự tự nguyện của vợ chồng. Nay anh C xác định không còn thương yêu, gắn bó với chị N, chị N yêu cầu đoàn tụ nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị N.

Về con chung: anh Đới Văn C và chị Cao Thị N chung sống có 01 con chung là cháu Đới Khánh L, sinh ngày 22/11/2015. Xét sự tự thỏa thuận giữa anh C và chị N về việc giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng và anh C cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật được ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ: anh Đới Văn C và chị Cao Thị N thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có tài sản và không có nợ ai nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: anh Đới Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- 1/.** Chấp nhận cho anh Đới Văn C được ly hôn cùng chị Cao Thị N.
 - 2/.** Về con chung: Buộc anh Đới Văn C giao cháu Đới Khánh L, sinh ngày 22/11/2015 cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.
Anh Đới Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đới Khánh L mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.
Anh Đới Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
 - 3/.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.
 - 4/.** Về tài sản chung và nợ: không có nên không đặt ra giải quyết.
 - 5/.** Về án phí: Anh Đới Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007861 ngày 22-11-2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu; đối trừ án phí phải nộp, anh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.
 - 6/.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.Bạc Liêu;
- THA TP.Bạc Liêu;
- UBND phường (xã)
- nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Bích Ngọc